ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG TỔNG HỢP - GIẢI PHÁP HẠN CHẾ Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG Ở CÁC CỤM DÂN CƯ QUẢNG NINH

NCS. ĐẶNG THỊ HẢI YẾN, KS. NGÔ THÀNH TÂM
Sở TN&MT Quảng Ninh

Bước vào giai đoạn "Công nghiệp hoá và hiện đại hoá", Đất nước ta không ngừng phát triển và biến đổi từng ngày. Mỗi một vùng, miền hay thành phố, tuỳ theo điều kiện cụ thể về tài nguyên thiên nhiên và vị trí địa lý mà có những hướng phát triển ưu tiên cho riêng mình.

Đối với Quảng Ninh, lợi thế đang được tập trung khai thác là khoáng sản, du lịch và thuỷ sản. Kèm theo đó là hàng loạt các ngành kinh tế dịch vụ khác như cơ khí, điện lực, ximăng, thương nghiệp, nuôi trồng,... cũng đồng hành phát triển. Quảng Ninh đã trở thành một trọng điểm của tam giác kinh tế phía Bắc: Quảng Ninh-Hà Nội-Hải Phòng. Ngoài các mỏ khai thác than, trọng điểm kinh tế Quảng Ninh còn được tổ hợp từ nhiều thành tố kinh tế khác, tập trung ở các thị xã, thị trấn, thị tứ,.. trong khu vực, với sự đa dạng về ngành nghề và phong phú về chủng loại hàng hoá.

Tuy nhiên, bên cạnh sự tăng trưởng về công nghiệp, xây dựng đô thị, giao thông, du lịch, khai thác khoáng sản, hải sản,... thì địa phương này đang đối mặt với những thách thức không nhỏ về môi trường.

Sự gia tăng cơ học dân số để đáp ứng nhu cầu nhân lực cho các ngành kinh tế, tăng sản lượng khai thác khoáng sản phục vụ cho phát triển các ngành công nghiệp trong nước và xuất khẩu, tăng sản lượng các ngành dịch vụ để hỗ trợ các ngành công nghiệp chính và đáp ứng tiêu dùng,... tất cả những yếu tố đó là nguyên nhân làm gia tăng sức ép lên môi trường sinh thái cũng như các hệ tài nguyên sinh vật khác.

Nhiều lòng sông suối bị bồi lấp, thảm thực vật bị tàn phá nặng nề, sự đa dạng sinh học ngày càng bị thu hẹp, cảnh quan thiên nhiên bị biến dạng,... và các chỉ tiêu môi trường không khí và nước thải ở nhiều cụm dân cư như Cửa Ông, Hà Lầm, Hà Tu, Mạo Khê, Uông Bí,...đã vượt quá nhiều lần giới hạn cho phép.

Nhưng nghịch lý là trong các báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) hay khi quan trắc, giám sát trực tiếp môi trường của các cơ sở sản xuất ở khu vực này đều đạt tiêu chuẩn cho phép, thậm chí một số khu vực còn nằm trong phạm vi quy hoạch dài hạn hay chiến lược phát triển đã được tiến hành đánh giá môi trường chiến lược. Vậy vấn đề đặt ra là: "Bằng giải pháp nào để hạn chế và giảm thiểu ô nhiễm môi trường ở các tụ điểm công nghiệp này?"

1. Cần thiết bổ sung "Đánh giá môi trường tổng hợp" vào hệ thống văn bản pháp lý về bảo vệ môi trường

Trên thực tế, để tăng cường công tác bảo vệ môi trường (BVMT) và hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững, bên cạnh các công cụ như chế tài hành chính, chế tài hình sự, công cụ kinh tế (thuế môi trường, phí BVMT, ký quỹ phục hồi môi trường...), Tiêu chuẩn/Quy chuẩn Việt Nam về môi trường, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật để quản lý, bảo vệ môi trường cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

Luật BVMT năm 2005 đã quy định về đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) đối với một số loại chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và cam kết bảo vệ môi trường (CKBVMT) đối với một số loại hình dự án đầu tư (tuỳ theo tính chất của dự án mà phải áp dụng ĐTM hay CKBVMT).

Tiếp theo Luật BVMT năm 2005, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BVMT, Bộ TN & MT đã có Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT (thay thế cho Thông tư số 08/2006/TT-BTNMT) hướng dẫn chi tiết và cụ thể về ĐMC, ĐTM và CKBVMT (xem hình H.1),... đã tạo khung pháp lý để giúp các nhà đầu tư thực thi nghiêm túc nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành dự án theo đúng quy định của pháp luật.

Theo mô hình trên đây, các vấn đề về môi trường đối với từng dự án cụ thể, với từng chiến lược, quy hoạch hoặc kế hoạch phát triển của một ngành hay của một địa phương (tỉnh, liên tỉnh) đã được xem xét từ đầu, ngay trước khi chiến lược,

quy hoạch, kế hoạch hay dự án đó triển khai thực hiện. Trong khi đó thì môi trường tại các vùng lãnh thổ, tụ điểm công nghiệp, cụm dân cư có nhiều dự án khai thác mỏ hoặc nhiều dự án kinh tế khác nhau,...đang ngày một xuống cấp, hoặc tại một số nguồn tiếp nhận (sông, suối, bãi chứa,....) thì đã quá tải, vượt ngưỡng cho phép, có nơi đã ở cấp báo động, nhưng chưa được giải quyết do không có chế tài xử lý.

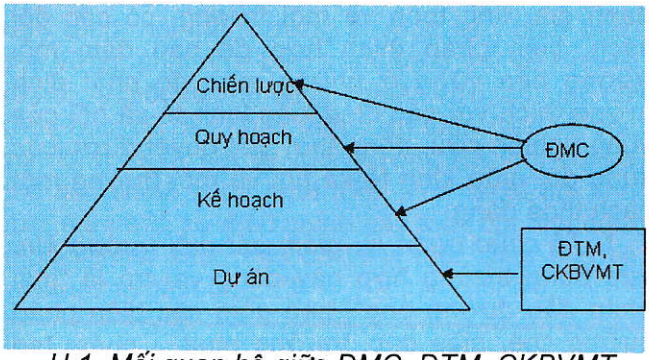

H.1. Mối quan hệ giữa ĐMC, ĐTM, CKBVMT với các dự án phát triển.

Để bảo đảm sự phát triển bền vững cho xã hội nói chung, cho tương lai của ngành mỏ nói riêng và gần hơn, cho các đối tượng như đã dẫn ở trên,... cần tiếp tục nghiên cứu để bổ sung kịp thời vào khung chính sách và xây dựng hướng dẫn kỹ thuật về "*Đánh giá môi trường tổng hợp*" (ĐMT), nhằm lấp kín khoảng trống chính sách mà các công cụ trên mô hình 1 còn chừa lại.

2. Những nhiệm vụ cơ bản của ĐMT

Không riêng gì khu vực Quảng Ninh, việc tiến hành ĐMT đang là vấn đề bức bách đối với nhiều vùng lãnh thổ, cụm dân cư, khu công nghiệp,...khác hiện trong cả nước. Giải pháp này không chỉ là tình thế mà còn là lâu dài, nhằm lấp đầy khoảng trống về chính sách quản lý và BVMT mà ĐTM, CKBVMT của các dự án và ĐMC của các kế hoạch, quy hoạch, chiến lược bỏ sót lại.

ĐMT nhằm đánh giá tổng thể thực trạng vấn đề môi trường và sự phát triển trong một phạm vi không gian nhỏ; mối tương quan giữa các đơn vị sản xuất và các dự án phát triển trong lưu vực đầu nguồn sông suối quan trọng,... nhằm làm cơ sở để có các chính sách giải pháp nhằm giảm thiểu các mâu thuẫn phát triển giữa các ngành như du lịch- cảng biển; du lịch và khai thác khoáng sản...và xác định rõ trách nhiệm của mỗi nhà đầu tư, của mỗi cấp, ngành, địa phương khi có vấn đề môi trường nghiêm trọng xảy ra.

Cũng như ĐMC, ĐTM và CKBVMT, việc tiến hành ĐMT cần có sự tham gia của các nhà khoa học, của cộng đồng; của các chủ đầu tư của các dự án hoạt động thuộc vùng, thuộc lưu vực sông, suối khu vực đặc thù và các cấp, các ban ngành hữu quan liên quan, nhưng trước hết là phải có văn bản pháp lý hướng dẫn chi tiết "*Đánh giá môi trường tổng hợp*" của cơ quan có trách nhiệm.

Việc tiến hành ĐMT cho các vùng trọng điểm của các tỉnh, thành phố sẽ giúp cho nhà hoạch định chính sách các biện pháp tổng thể quản lý giải quyết xung đột giữa các ngành kinh tế, giảm thiểu sức ép lên môi trường sinh thái và các hệ tài nguyên sinh vật; góp phần đảm bảo sự phát triển hài hoà và bền vững của các hoạt động kinh tế trên vùng và đảm bảo an sinh xã hôi và suy giảm môi trường... tại địa phương.

ĐMT vùng nghiên cứu cho một bức tranh tổng hợp về môi trường-kinh tế-xã hội nhằm giúp định hướng cho các hành động, các kế hoạch phát triển, đảm bảo sự kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế, ổn định xã hội và đảm bảo chất lượng môi trường.

Nhiệm vụ chủ yếu của ĐMT là:

a. Đánh giá tác động cộng hưởng các tác động môi trường từ các nguồn phát thải nhằm xác định chính xác chất lượng thực tế các thành phần môi trường khu vực, trên cơ sở đó để xác định nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự suy giảm môi trường và đề xuất giải pháp khắc phục. Vấn đề này đặc biệt có ý nghĩa đối với những tụ điểm dân cư có nhiều cơ sở kinh tế với các phương thức sản xuất và chủng loại sản phẩm khác nhau.

Các yếu tố kinh tế-xã hội-môi trường được nghiên cứu, xem xét trong mối quan hệ tương tác đa chiều, ví dụ, hoạt động khai thác và vận chuyển than (bằng đường bộ và đường thủy) sẽ có tác động tới các yếu tố tự nhiên (địa chất, địa hình, khí hậu, thủy văn, đất, thực vật), các yếu tố kinh tế-xã hội (vai trò của khai thác than trong cơ cấu kinh tế chung, cơ sở hạ tầng, các khía cạnh xã hội như lao động, thu nhập,...), các yếu tố môi trường và tai biến thiên nhiên (ô nhiễm không khí do bụi, tiếng ồn, khí thải; ô nhiễm môi trường nước do rác thải rắn, chất thải độc hại từ các mỏ và khai trường)...

Bản thân môi trường nước hoặc khí lại được xem xét trong mối tương quan không chỉ với hoạt động khai thác than mà còn với các hoạt động khác như sản xuất công nghiệp, sản xuất vật liệu xây dựng, nông, lâm nghiệp, thủy sản, cảng biển, du lịch,...

b. Đánh giá các tác động tích luỹ là việc xem xét và định lượng quá trình trầm tích, lắng đọng và tích tụ các phát thải của một hoạt động phát triển nào đó diễn biến từ quá khứ tới hiện tại và có thể tiếp tục trong tương lai. Đối với một dự án

cụ thể thì tác động tích luỹ là xác định về mặt thời gian, nhưng đối với một vùng lãnh thổ thì tác động tích luỹ là vô định, theo bám vĩnh viễn suốt quá trình tồn tại và phát triển của địa phương này. Tác động này có thể tăng, giảm hay giữ nguyên ở một trạng thái nào đó tuỳ theo khả năng kiểm soát và thái độ ứng xử của con người đối với nó.

c. Đánh giá khả năng chịu tải của nguồn tiếp nhận có nghĩa là xem xét đánh giá một cách tổng hợp vùng nghiên cứu trong mối quan hệ vùng, đồng thời xác lập được các giới hạn, các ngưỡng môi trường vùng nghiên cứu. Việc này có vai trò quan trọng trong quá trình điều khiển và quản lý hệ thống kinh tế-xã hội-môi trường vùng nghiên cứu, nhằm đảm bảo mọi hoạt động phát triển được vận hành trong trạng thái ổn định, hợp lý với mức phát thải ô nhiễm dưới ngưỡng cho phép.

d. Xác định các trọng điểm dẫn đến sự vượt ngưỡng các chỉ tiêu môi trường khu vực : Phân tích, xem xét các hoạt động phát triển đặc trưng trong vùng nghiên cứu, nghiên cứu các hợp phần tự nhiên (địa chất-địa hình, khí hậu-thủy văn, đất-sinh vật), các kinh tế-xã hội mang tính chất nhân sinh (cơ sở hạ tầng, các hoạt động sản xuất) và các mối liên hệ giữa các hợp phần đó, làm biến đổi dòng vật chất, năng lượng của hệ thống (các quá trình địa mạo, các tai biến thiên nhiên và nhân sinh, chu trình vật chất và năng lượng, chu trình kinh tế tài nguyên) với vai trò trung tâm là con người cùng các tác động của nó nhằm xác định trọng điểm phát thải ô nhiễm, tạo ra hiệu ứng "giọt nước gây tràn ly".

e. Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp riêng lẻ và tổng hợp nhằm từng bước cải thiện chất lượng môi trường: Giải pháp riêng lẻ thường mang tính cục bộ, phạm vi ảnh hưởng không lớn và mang lại hiệu quả hạn chế, tuy nhiên có tính khả thi cao do phù hợp với điều kiện tự nhiên và kỹ thuật cụ thể của đối tượng chịu tác động. Thí dụ, để hạn chế giảm thiểu môi trường không khí do bụi, chính quyền bản địa yêu cầu các ôtô chở đất đá và than khi chạy qua khu vực dân cư phải che bạt kín thùng xe, chủ dự án phải tiến hành phun nước thường xuyên trên đoạn đường xe chạy qua,... Giải pháp tổng hợp trong trường hợp này là sử dụng đồng bộ nhiều giải pháp kết hợp (che bạt kín thùng xe, phun sương và rải nhựa mặt đường xe chạy, trồng cây xanh 2 bên vệ đường,...), nghiêm cấm các ôtô vận tải đất đá và than chạy qua khu vực dân cư, cách ly khu vực dân cư với các nguồn phát thải bụi bằng hệ thống đê bao và cây xanh,.... Như vậy, giải pháp tổng hợp thường có tính khả thi ít hơn, khó thực hiện hơn, nhưng hiệu quả và phạm vi tác động lớn hơn, triệt để hơn.

g. Đánh giá môi trường tổng hợp phải làm được chức năng hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội, phải xuất phát từ trình độ phát triển kinh tế-xã hội nhất định ở mỗi địa phương, mỗi vũng lãnh thổ để có những đối sách thích hợp. Quy hoạch bảo vệ môi trường phải chú ý thích đáng chó phát triển kinh tế-xã hội, phải có sự cân nhắc, đánh giá, tính toán về môi trường, có các đối sách, biện pháp thích hợp để bảo đảm môi trường bền vững ở những mức độ nhất định tương thích với các điều kiện kinh tế-xã hội của vùng nghiên cứu, đồng thời giải quyết được các xung đột giữa kinh tế-xã hội và môi trường một cách thoả đáng.

f. Tổ chức quản lý, giám sát môi trường khu vực trong trường hợp này đóng vai trò là "giải pháp đầu đường ống". bao gồm các biện pháp cưỡng chế, giáo dục, thưởng phạt,... nhằm tạo ra một áp lực thường trực tác động lên nguồn phát thải, không cho các chất ô nhiễm phát xả ở đó vượt quá "côta" đã được phân định. ĐMT có trách nhiệm đề ra chương trình quản lý các vấn đề bảo vệ môi trường cho quá trình vận hành của các dự án. Chương trình quản lý môi trường bao gồm các hoạt động quan trắc, giám sát toàn diện các chỉ tiêu môi trường của tất cả các dự án trong khu vực, thanh kiểm tra việc thực thi xây dựng và vận hành các công trình BVMT, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động có hại tới môi trường, các biện pháp phòng chống sự cố môi trường, quản lý chất thải nguy hại, các biện pháp phục hồi môi trường,... Có thể nói, quản lý-giám sát là giải pháp quan trọng, đảm bảo cho sự ổn định và bền vững cho môi trường khu vực.

3. Kết luận

ĐMT là một trong những công cụ quản lý nhà nước cần thiết về bảo vệ môi trường, nhằm lấp kín khoảng trống pháp lý mà CKBVMT, ĐTM và ĐMC còn để lại trong trong hệ thống các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ Môi trường.

ĐMT nhằm xác định rõ và đúng các hoạt động phát triển và mối quan hệ tương tác giữa chúng dẫn đến làm thay đổi chất lượng môi trường khu vực theo chiều hướng ngày một xấu đi, trên cơ sở đó tiến hành đánh giá, phân tích làm rõ cấu trúc và đặc điểm của từng nguồn gây ô nhiễm, đề ra các liệu pháp tình thế và lâu dài, riêng lẻ và tổng hợp, để từng bước cải thiện và tiến tới hoàn thiện thái độ ứng xử hợp lý và thân thiện với môi trường trong quá trình vận hành các hoạt động phát triển trong khu vực.

Dựa trên ĐMT, các nhà hoạch định chính sách phát triển sẽ thấy được bức tranh tổng thể về các vấn đề kinh tế xã hội và môi trường của một vùng. Nhằm tránh tình trạng ưu tiên cho phát triển kinh tế-xã hội mà không quan tâm thích đáng đến môi trường, đề ra những quyết định thiệt hại cho môi trường, hoặc chỉ chú ý quá mức đến môi trường mà làm thiệt hại đến kinh tế-xã hội.

ĐMT phải thể hiện được sự thống nhất giữa kinh tế-xã hội-môi trường vì mục tiêu phát triển bền vững, phải như bức tranh tổng thể về kinh tế xã hội và môi trường vùng nghiên cứu, có luận cứ khoa học, có cân nhắc tính toán toàn diện về các mặt kinh tế-xã hội và môi trường để làm cơ sở cho các chính sách phát triển kinh tế-xã hội khu vực, đảm bảo sự điều chỉnh hay thay đổi một điều khoản chính sách nào đó là vì mục đích bảo vệ môi trường đích thực.❐

SUMMARY

Environmental assessment is integrated and studied these problems of environmental and economic-social issues to point out shortcomings in the environment for economic development in area mines, to influence, adapt or change in order to ensure harmonious development of economic sectors in this region without undermining the environment. This paper presents the content, purpose and the need to conduct integrated environmental assessments for the concentration of industrial establishments.

SỰ PHỤ THUỘC GIỮA...

(Tiếp theo trang 24)

mối quan hệ của hệ số xúc K_x phụ thuộc vào kích thước cục trung bình và dung tích gầu xúc:

$$K_x = \frac{K_d}{K_{rg}} = \frac{\left(0,95.E^{1/3} - 3.3414\right)D_{tb} + 1,5}{\left(-0,5033.E^{1/3} + 1,9637\right)D_{tb} + 1,23}. \quad (7)$$

3. Kết luận

Từ kết quả nghiên cứu thực nghiệm quy luật phụ thuộc của các đại lượng đặc trưng cho năng suất máy xúc tay gầu vào MĐĐV đất đá bằng nổ mìn và dung tích gầu máy xúc giúp các nhà nghiên cứu công cụ giải bài toán xác định MĐĐV hợp lý bằng nổ mìn. Đồng thời giúp các nhà nghiên cứu có cách nhìn trực quan và sinh động hơn về thực tiễn hoạt động khai thác mỏ và mối quan hệ gắn bó giữa công tác nổ mìn với công tác xúc bốc.❐

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Văn Quyền (2004), Phương pháp xác định bằng thực nghiệm một số hệ số trong hoạt động khai thác mỏ, Tạp chí Công nghiệp Mỏ số 6-2004.

2. Lê Văn Quyền (2004), Thuyết minh đề tài "Nghiên cứu xây dựng các thông số khoan nổ mìn phù hợp với điều kiện nham thạch, thuỷ địa chất của Công ty than Cao Sơn", Hợp đồng số 4531/ HĐ-KH ngày 29/9/2003 giữa Trung tâm NCTNKTMỏ với Công ty than Cao Sơn.

3. Lê Văn Quyền (2007), Thuyết minh đề tài "Nghiên cứu xây dựng các thông số kỹ thuật khoan nổ mìn hợp lý, phù hợp với điều kiện địa chất, trang thiết bị khai thác của các đơn vị khai thác than lộ thiên ở khu vực Quảng Ninh". Hợp đồng số 01/HĐNCKH ngày 9/1/2007 giữa Trung tâm NCTNKT Mỏ Với Công ty Hoá chất Mỏ Quảng Ninh.

4. Ржевский В. В. (1978), Процессы открытых горных работ, "Недра", Москва.

SUMMARY

Fragmentation blasted affectes productivity significantly through swell factor of bucket capacity and bucket fill. By the results of experimental studies, the paper introduces the rule of the coefficients depend hard rock about fragmentation blasted rock.

HOA THƠM-CỎ LẠ

1. Phương thuốc chữa những sai lầm là quên nó đi. *Syrus.*

2. Hãy coi chừng nước đóng băng và một con chó im lặng. *Ngạn ngữ Nga.*

3. Đọc cuốn sách có giá trị như ngồi hầu chuyện với những nhà hiền triết. *A. Dumas (con).*

4. Học mà không chịu suy nghĩ thì không thông hiểu. Suy nghĩ mà không chịu học thì lòng dạ không yên. *Khổng Tử.*

VTH. sưu tầm